

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2017/HSPT

Ngày: 06-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tinh

Các Thẩm phán:

1. Ông Tôn Văn Thông

2. Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSPT ngày 01 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1994 tại Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; số chứng minh nhân dân: xxxxxxxxxx; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D; tiền án: Tại Bản án số 147/2013/HSPT ngày 30-10-2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 21-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2016 cho đến nay; Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 31-10-2016, Nguyễn Văn D đến tiệm internet N thuộc ấp G, xã V, huyện C chơi game. Tại đây, D gặp Nguyễn Hữu T (sinh ngày 18-12-2003) đang truy cập internet, D làm quen rồi tự xưng mình là bạn của M (M là anh bà con với T) và hỏi T khi nào về cho D đi nhờ xe về nhà, T đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả hai ra về. D điều khiển xe đạp điện của T chở T trên

Quốc lộ 57 hướng từ xã V về cầu H. Trên đường đi, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đạp điện của T nên điều khiển xe chạy vào đường bê tông thuộc ấp P, xã V, huyện C. Thấy có 01 ngôi nhà, máy lợp tôn, D dừng xe lại và nói đó là nhà của bạn D đồng thời kêu T đứng đợi, D mượn xe đi rước bạn sau đó trở lại rước T. Sau đó, D điều khiển xe của T đi về nhà. Riêng T đứng chờ đến 16 giờ cùng ngày không thấy D trở lại, biết mình bị lừa nên đến Công an xã V trình báo.

Vụ án thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 11-9-2016, Nguyễn Quốc V phát hiện chuồng gà của anh Nguyễn Văn P ở gần nhà có nhiều gà được nhốt trong bội sắt không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. V rủ Nguyễn Văn D đến để cùng nhau trộm gà, D đồng ý. V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61H4 – xxxx của gia đình rước D về nhà V. Sau đó, cả hai cùng nhau đi bộ đến nhà anh P. Tại đây, V đứng ngoài canh đường, D đi vào chuồng gà lén lút bắt hai con gà trống nòi. Bắt gà xong, V về nhà lấy xe mô tô nói trên chở D và gà trộm được đem bán cho anh Võ Văn T với giá 700.000 đồng. D và V chia nhau mỗi người 350.000 đồng và cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Vụ án thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 15-11-2016, Đặng Thị Cẩm S (sinh ngày 06-11-2002) cùng Nguyễn Thị Thủy T1, Trần Khánh Đ, Trương Thị Lam K, Phạm Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Thị Cẩm T đến Đền thờ liệt sỹ xã H chơi. Tại đây, T1 và P rủ tổ chức uống rượu, tất cả đồng ý nên T1 và P đi mua rượu và thức ăn rồi cùng nhau uống rượu, riêng Cẩm S chỉ ngồi chơi không uống. Một lát sau, Nguyễn Văn D đến, T1 và K tiếp tục rủ Cẩm S cùng uống rượu, Cẩm S cầm chai rượu uống một hơi hết $\frac{1}{2}$ chai (loại chai nước suối nhỏ). Sau đó, T1 và D đưa P về nhà rồi quay lại cùng Cẩm S và mọi người đi đến quán K thuộc xã V tiếp tục uống rượu, tại đây 06 người uống hết 01 chai rượu chuối hột thể tích 750ml. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, D chở Cẩm S về nhà trọ 666 thuộc ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. D vào đăng ký phòng và cùng Cẩm S vào phòng nghỉ. Tại đây, Cẩm S đồng ý cho D giao cấu 01 lần. Đến sáng ngày 16-11-2016, Cẩm S tiếp tục đồng ý cho D giao cấu 01 lần nữa. Sau đó, D chở Cẩm S đi ăn rồi về nhà. Đến ngày 21-11-2016, mẹ của Cẩm S đến Công an xã H tố giác.

Tại kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG ngày 07-11-2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 02 con gà trống nòi có tổng trọng lượng là 5,1 kg có giá là 561.000 đồng tại thời điểm tháng 9/2016.

Tại kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐG ngày 30-11-2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 chiếc xe đạp điện màu vàng, nhãn hiệu DRAGON, trên xe có chữ OSAKA có giá trị là 1.200.000 đồng tại thời điểm tháng 10/2016.

Tại bản kết luận pháp y về tình dục số 52-0217/TD ngày 01-3-2017 của Trung tâm giám định pháp y – Sở y tế tỉnh Bến Tre đã kết luận đối với Đặng Thị Cẩm S như sau:

- Màng trinh vị trí 09 giờ có dấu khuyết chưa đến chân màng trinh.

- Theo kết quả siêu âm ngày 23-02-2017 nạn nhân không có thai.
- Không xếp tỷ lệ phần trăm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm các tội “Trộm cắp tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-12-2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Ngày 05-7-2017, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên cho rằng kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo yêu cầu giảm hình phạt tù nhưng không đưa ra thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét để làm căn cứ giảm hình phạt, mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp chận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn D kết hợp chứng cứ đã được thu thập có cơ sở xác định. Khoảng 14 giờ ngày 31-10-2016, Nguyễn Văn D đến tiệm internet N thuộc ấp G, xã V, huyện C chơi game. Tại đây, D gặp Nguyễn Hữu T (sinh ngày 18-12-2003) đang truy cập internet, D làm quen và tự xưng là bạn của M đồng thời hỏi T khi nào về cho D đi nhờ xe về nhà, T đồng ý. Trên đường về, do có ý định muốn chiếm đoạt xe của T, D đưa ra các thông tin không đúng sự thật như: Thấy có 01 ngôi nhà, máy lợn tôn, D dừng xe lại và nói đó là nhà của bạn D và kêu T đứng đợi, D mượn xe đi rước bạn sau đó trở lại rước T để T tin và giao xe cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt mà không trả xe cho T. Xe trị giá 1.200.000 đồng. Về nhân thân bị cáo đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

[2] Với ý thức hành vi, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của Nguyễn Hữu T và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có cơ sở phù hợp luật định. Đối với hai tội danh “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội giao cấu với trẻ em” do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, được giữ nguyên.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn X tham gia cách mạng bị bắt tù đầy, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là “Phạm tội đối với trẻ em”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu giảm hình phạt tù để sớm về nuôi ông, bà ngoại nhưng không có xác nhận về hoàn cảnh gia đình nên không có cơ sở xem xét, ngoài ra không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Với mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, cấp phúc thẩm xét thấy phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Trộm cắp tài sản” và “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành chung cho cả ba tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-12-2016.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an huyện C (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã H – huyện C (1b);
- Nhà tạm giữ CA huyện C (1b);
- Bị cáo đang bị tạm giam (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tĩnh